

Số: **12830/BTC-TCHQ**V/v nhập khẩu mặt hàng
Sodium ChlorideHà Nội, ngày **27** tháng 9 năm 2011

Kính gửi:

- Bộ Y tế;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Trả lời công văn số 3264/BYT-QLD ngày 08/6/2011 của Bộ Y tế, công văn số 424/CV-CTD ngày 07/7/2011 của Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình định, công văn số 9324/QLD-PCD ngày 11/7/2011 của Cục Quản lý Dược, công văn số 2311/UBND-TH ngày 22/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc nhập khẩu mặt hàng Natri Chloride nguyên chất của Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Mặt hàng nhập khẩu của Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định trên tờ khai hàng hoá nhập khẩu là Natri chloride nguyên chất, SANAL P (Sodium Chloride Pharmaceutical) tại 11 tờ khai (bảng kê gửi kèm) tại Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Quy Nhơn trong thời gian từ tháng 12/2006 đến tháng 10/2009 là nguyên liệu sử dụng để sản xuất thuốc, có mã số 2501.00.30.00 và 2501.41.20.00, theo quy định quản lý chuyên ngành phải có giấy phép của Bộ Y tế, yêu cầu này Công ty đã đáp ứng.

Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật Quản lý thuế; Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ; Khoản 4, Mục B, phần III Thông tư số 04/2006/TT-BTM của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) thì mặt hàng muối thuộc nhóm 2501 thuộc danh mục hàng hoá nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan phải có giấy phép của Bộ Công Thương. Mặt hàng nhập khẩu của Công ty là Natri Chloride nguyên chất, có mã số 2501.00.30.00 và 2501.41.20.00 thuộc danh mục hàng nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan. Công ty không có giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công Thương cấp, do đó tính thuế theo thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

2. Về việc truy thu thuế: Điều 21 Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu quy định:

“b) Trường hợp đối tượng nộp thuế hoặc cơ quan Hải quan có sự nhầm lẫn trong kê khai, tính thuế, nộp thuế thì phải truy nộp số tiền thuế còn thiếu trong thời hạn 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày trở về trước, kể từ ngày phát hiện có sự nhầm lẫn. Ngày phát hiện có sự nhầm lẫn là ngày ký văn bản xác nhận giữa đối tượng nộp thuế và cơ quan Hải quan;

c) Trường hợp nếu phát hiện có sự gian lận, trốn thuế thì phải truy thu tiền thuế trong thời hạn 5 (năm) năm trở về trước, kể từ ngày kiểm tra phát hiện. Ngày kiểm tra phát hiện có sự gian lận, trốn thuế là ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký quyết định truy thu thuế."

Cơ quan hải quan căn cứ vào hồ sơ hải quan và các quy định liên quan đến hàng hoá nhập khẩu để thực hiện, việc Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Bộ Tài chính miễn truy thu thuế đối với mặt hàng Natri Chloride nguyên chất thuộc nhóm 2501 nhập khẩu của Công ty Dược- Trang thiết bị y tế Bình Định là vượt thẩm quyền của Bộ Tài chính.

Để có cơ sở thực hiện kiến nghị của Quý Bộ và UBND tỉnh Bình Định, đề nghị Bộ Y tế, UBND tỉnh Bình Định có công văn trao đổi với Bộ Công Thương xem xét, cấp giấy phép bổ sung cho những lô hàng Natri Chloride đã nhập khẩu để được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch theo đúng quy định. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn Cục Hải quan thực hiện.

3. Bộ Tài chính đồng ý với đề xuất của Bộ Y tế về việc sớm tổ chức cuộc họp giữa các Bộ: Công Thương, Y tế, Tài chính nhằm giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện quy định pháp luật, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vừa bảo đảm quản lý hàng hoá nhập khẩu theo đúng quy định. /*th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương;
- Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định;
- Cục Quản lý Dược;
- Vụ CST, Vụ PC (BTC);
- Lưu: VT, TCHQ. (6) \.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

09577659

CỤC HẢI QUAN BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

BẢNG KÊ CÁC TỜ KHAI NHẬP KHẨU MẬT HÀNG MUỐI CỦA CÔNG TY DƯỢC TTB Y TẾ BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Công văn số 462 /HQĐ-KTSTQ ngày 30/6/2011)

DVT: VND

STT	Số Tờ	Tên hàng, mã hàng	Công ty khai báo						HQ kiểm tra tính lại						Số tiền thuế còn thiếu phải nộp	
			Thuế suất NK (%)	Thuế suất GTGT (%)	Trị giá tính thuế		Số thuế đã nộp		Thuế suất NK (%)	Thuế suất GTGT (%)	Trị giá tính thuế		Số thuế phải nộp		NK	GTGT
					NK	GTGT	NK	GTGT			NK	GTGT	NK	GTGT		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	561/NK/KD/QN 02/12/2006	Natri chloride nguyên chất, 7501003100	10	5	151,880,076	167,068,076	15,188,000	8,353,000	60	5	151,880,076	243,008,076	91,128,000	12,150,000	75,940,000	3,797,000
2	137/NK/KD/QN 05/03/2007	Natri chloride nguyên chất, 2501003100	10	5	163,387,147	179,725,862	16,339,000	8,986,000	50	5	163,387,147	245,081,147	81,694,000	12,254,000	65,355,000	3,268,000
3	298/NK/KD/QN 25/05/2007	Natri chloride nguyên chất, 7501003100	10	5	167,281,114	184,009,225	16,728,000	9,200,000	50	5	167,281,114	250,922,114	83,641,000	12,546,000	66,913,000	3,346,000
4	496/NK/KD/QN 22/08/2007	Natri chloride nguyên chất, 2501003100	10	5	170,380,903	187,418,903	17,038,000	9,371,000	50	5	170,380,903	255,570,903	85,190,000	12,779,000	68,152,000	3,408,000
5	535/NK/KD/QN 11/09/2007	Natri chloride nguyên chất, 2501003100	10	5	170,086,070	187,095,070	17,009,000	9,355,000	50	5	170,086,070	255,129,070	85,043,000	12,756,000	68,034,000	3,401,000
6	100/NK/KD/QN 25/01/2008	Natri chloride nguyên chất, 7501004120	10	5	357,765,276	393,542,276	35,777,000	19,677,000	50	5	357,765,276	536,648,276	178,883,000	26,832,000	143,106,000	7,155,000
7	214/NK/KD/QN 29/02/2008	Natri chloride nguyên chất, 7501004120	10	5	359,034,779	394,937,779	35,903,000	19,747,000	50	5	359,034,779	538,551,779	179,517,000	26,928,000	143,614,000	7,181,000
8	842/NK/KD/QN 28/11/2008	Natri chloride nguyên chất, 7501004120	10	5	156,460,564	172,106,620	15,646,056	8,605,331	50	5	156,460,564	234,690,564	78,230,000	11,735,000	62,583,944	3,129,669

09577659

STT	Số TK	Tên hàng, mã hàng	Công ty khai báo						HQ kiểm tra tính lại						Số tiền thuế còn thiếu phải nộp	
			Thuế suất NK (%)	Thuế suất GTGT (%)	Trị giá tính thuế		Số thuế đã nộp		Thuế suất NK (%)	Thuế suất GTGT (%)	Trị giá tính thuế		Số thuế phải nộp		NK	GTGT
					NK	GTGT	NK	GTGT			NK	GTGT	NK	GTGT		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	40/NK/KD/QN 03/02/2009	Natri chloride nguyên chất, 2501004120	10	5	165,984,875	182,583,363	16,598,488	9,129,168	50	5	167,307,856	250,961,856	83,654,000	12,548,000	67,055,512	3,418,832
10	455/NK/KD/C37B 14/09/2009	Natri chloride nguyên chất, 2501004120	10	5	145,722,720	160,294,992	14,572,272	8,014,750	50	5	147,043,627	220,565,627	73,522,000	11,028,000	58,949,728	3,013,250
11	526/NK/KD/C37B 24/10/2009	Natri chloride nguyên chất, 2501004120	10	5	145,911,480	160,502,628	14,591,148	8,025,131	50	5	147,234,461	220,851,461	73,617,000	11,043,000	59,025,852	3,017,869
Tổng cộng															878,729,036.0	44,135,620
TỔNG SỐ TIỀN THUẾ CÒN THIẾU PHẢI NỘP															922,864,656.0000	

09577659